

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **25/2020/NQ-HĐND**

*Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**  
**KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật; Quyết định số 815/QĐ-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Xét Tờ trình số 295/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 109/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

Các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

### **Điều 2. Mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật**

1. Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật (nếu có): mức chi là 16.000.000 đồng/01 dự thảo đối với quy chuẩn kỹ thuật không cần phải khảo sát, khảo nghiệm; mức chi là 36.000.000 đồng/01 dự thảo đối với quy chuẩn kỹ thuật cần phải khảo sát, khảo nghiệm.

2. Chi lập dự án quy chuẩn kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi 1.200.000 đồng/01 dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi xây dựng thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật, tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: chi tiết theo phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

4. Chi cho công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật, xây dựng báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát, khảo nghiệm, thử nghiệm phục vụ cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật: chi tiết theo phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

5. Chi thuê chuyên gia trong nước: chi tiết theo phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết này (tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật).

6. Chi thuê chuyên gia nước ngoài: trong trường hợp phát sinh nhu cầu thuê chuyên gia nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài không vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí của dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

7. Chi lấy ý kiến nhận xét của các chuyên gia, nhà khoa học đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: mức chi là 400.000 đồng cho một thành viên đối với mỗi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

8. Chi mua vật tư, văn phòng phẩm, nguyên, nhiên vật liệu, tiêu chuẩn, quy trình, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: căn cứ khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

9. Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề, tham gia góp ý cho dự thảo quy chuẩn kỹ thuật:

a) Chủ trì cuộc họp: 480.000 đồng/người/buổi;

b) Các thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.

10. Chi dịch và hiệu đính tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và dịch tiếng Việt sang tiếng nước ngoài:

a) Dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi 120.000 đồng/trang (350 từ);

b) Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ);

c) Dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: mức chi 100.000 đồng/trang (350 từ);

d) Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi 40.000 đồng/trang (350 từ);

e) Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

11. Chi cho hoạt động khảo sát, điều tra phục vụ công tác xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: áp dụng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

12. Chi mua mẫu, thử nghiệm, khảo nghiệm trong nước, ngoài nước về các nội dung của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: tùy theo từng lĩnh vực cụ thể thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh và báo giá tương ứng của nhà cung cấp.

13. Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thẩm tra hoặc thẩm định của thành viên Hội đồng thẩm tra, Hội đồng thẩm định đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: mức chi 400.000 đồng/01 báo cáo phản biện hoặc báo cáo thẩm tra hoặc báo cáo thẩm định.

14. Chi họp Hội đồng thẩm tra, thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật:

a) Chủ tịch Hội đồng: 800.000 đồng/người/buổi;

b) Các thành viên Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi.

15. Chi công tác phí: thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

16. Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật: thực hiện theo các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu tương ứng của Bộ Tài chính.

Trường hợp các nội dung chi về vật tư, hóa chất, nguyên, nhiên vật liệu, chi phí khảo nghiệm không có các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quyết định mức chi cho các nội dung này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Danh**

## PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

### I. Khung định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ xây dựng QCKT

1. Dự toán tiền công trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ xây dựng QCKT bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ xây dựng QCKT, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong từng trường hợp cụ thể, nhiệm vụ xây dựng QCKT có thể không đầy đủ các nội dung trên.

b) Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01

ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ xây dựng QCKT có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ xây dựng QCKT tại điểm a, khoản 1 Phần I Phụ lục này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:  $T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$

Trong đó:

$T_c$ : Dự toán tiền công của chức danh.

$L_{cs}$ : Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

$H_{stcn}$ : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây.

$S_{nc}$ : Số ngày công của từng chức danh.

**Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT.**

Stt	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT cấp tỉnh $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh}) / 22 \times 80\%$	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT cấp cơ sở
1	2	3	4	5	6=5 x 50%
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,632	0,316
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,392	0,196
3	Thành viên	3,66	1,5	0,20	0,10
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,128	0,064

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại số thứ tự 1, 2, 3 Bảng 1 của Phụ lục này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ xây dựng QCKT có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá số tiền 32.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 24% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ xây dựng QCKT có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 32.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 24% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ xây dựng QCKT có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT quy định tại khoản 1, Phần I của Phụ lục này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước; trường hợp kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT quy định tại Phụ lục này cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.



3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ xây dựng QCKT; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học như sau:

- Người chủ trì: 1.200.000 đồng/buổi hội thảo.
- Thư ký hội thảo: 400.000 đồng/buổi hội thảo.
- Báo cáo viên viết và trình bày tại hội thảo: 1.600.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 800.000 đồng/báo cáo.
- Thành viên tham gia hội thảo: 160.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ xây dựng QCKT cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại điểm a khoản 1 Phần III Phụ lục này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ xây dựng QCKT nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ xây dựng QCKT, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ xây dựng QCKT tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ xây dựng QCKT cấp tỉnh bằng 3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng; nhiệm vụ xây dựng QCKT cấp cơ sở bằng 1,5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 80 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT: được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

## **II. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn xây dựng QCKT (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ xây dựng QCKT, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ xây dựng QCKT liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.



b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT.

### III. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT

Cơ quan quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT lập dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ xây dựng QCKT có sử dụng ngân sách nhà nước và tổng hợp vào tổng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

a) Chi tiền công

**Bảng 2. Mức chi hoạt động của các Hội đồng**

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ xây dựng QCKT			
a)	Họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ xây dựng QCKT	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		800	400
	Phó chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		640	320
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		240	120
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	200

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT			
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ xây dựng QCKT	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá:	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ xây dựng QCKT	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		560	280
	Thành viên tổ thẩm định		400	200
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ xây dựng QCKT			
a)	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên Hội đồng		800	400



Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc thực tế phát sinh và các quy định hiện hành của pháp luật.

## 2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ xây dựng QCKT; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

## 4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Phần III Phụ lục này.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT thực hiện theo mức chi nêu tại Bảng 3 dưới đây

**Bảng 3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT**

Số T T	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Khoản tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng xây dựng QCKT, cán bộ, công chức, các tổ chức, cá nhân khác có tham gia quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT	Tháng	300.000đ/người/tháng
2	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ xây dựng QCKT	Nhiệm vụ	
a)	Nhận xét kết quả nghiên cứu trong báo cáo tổng kết để đưa ra Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức (kèm bảng nhận xét)		200.000 đồng/nhiệm vụ
b)	Thẩm định chỉnh sửa báo cáo tổng kết sau khi được thống nhất tại Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức (kèm bảng thẩm định, chỉnh sửa)		300.000 đồng/nhiệm vụ
c)	Quyết toán kinh phí nhiệm vụ xây dựng QCKT (Đính kèm biên bản quyết toán)		200.000 đồng/người/nhiệm vụ, tối đa không quá 05 người/nhiệm vụ
d)	Phục vụ hội trường, thiết bị, máy móc trong các cuộc họp liên quan đến thực hiện nhiệm vụ xây dựng QCKT		50.000 đồng/người/tối đa không quá 02 người/nhiệm vụ



## PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

### I. Mức lương theo tháng của chuyên gia tư vấn trong nước

Mức lương theo tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn trong nước (sau đây gọi là chuyên gia tư vấn) làm việc đủ thời gian theo tháng được quy định như sau:

1. Mức 1, không quá 32.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.

2. Mức 2, không quá 24.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

c) Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì triển khai một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.

3. Mức 3, không quá 16.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

4. Mức 4, không quá 12.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

b) Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.



Trường hợp cần thiết, đối với dự án, công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, sử dụng công nghệ hiện đại đòi hỏi chuyên gia tư vấn có trình độ chuyên môn kỹ thuật đặc biệt, khả năng cung ứng của thị trường lao động còn hạn chế hoặc điều kiện làm việc khó khăn, ở vùng sâu, vùng xa, chủ đầu tư hoặc bên mời thầu lựa chọn, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định mức lương chuyên gia tư vấn cao hơn nhưng tối đa không quá 1,5 lần so với mức lương quy định tại Phần I Phụ lục này.

## **II. Mức lương theo tuần, theo ngày và theo giờ của chuyên gia tư vấn**

1. Mức lương theo tuần áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc từ 6 ngày trở lên nhưng không đủ một tháng được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Phần I Phụ lục này nhân với 12 tháng, chia cho 52 tuần và nhân với hệ số 1,2.

2. Mức lương theo ngày áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc từ 8 giờ trở lên nhưng không đủ 6 ngày, được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Phần I Phụ lục này chia cho 26 ngày và nhân với hệ số 1,3.

3. Mức lương theo giờ áp dụng đối với chuyên gia tư vấn làm việc dưới 8 giờ, được xác định trên cơ sở mức lương theo tháng quy định tại Phần I Phụ lục này chia cho 26 ngày, chia cho 8 giờ và nhân với hệ số 1,3.

## **III. Áp dụng mức lương của chuyên gia tư vấn**

1. Mức lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Phần I và Phần II Phụ lục này là mức tối đa, đã bao gồm tiền lương của những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, ngày nghỉ làm việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động; chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thuế thu nhập cá nhân thuộc trách nhiệm của người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. Mức lương này không bao gồm chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành; chi phí quản lý của đơn vị quản lý, sử dụng chuyên gia (nếu có), chi phí đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc, thông tin liên lạc và các chi phí khác để đảm bảo chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và địa điểm thực hiện dịch vụ tư vấn, chủ đầu tư hoặc bên mời thầu xác định mức lương phù hợp làm cơ sở lập, thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Việc trả lương đối với chuyên gia tư vấn được căn cứ nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa chuyên gia tư vấn và nhà thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, khối lượng, chất lượng công việc chuyên gia hoàn thành và quy chế trả lương của đơn vị.

